|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**TỔNG KẾT KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG,
NGHIÊN CỨU THÔNG TƯ, TƯ LIỆU**

**Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
về mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức**

# I. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG MÃ ĐỊNH DANH ĐIỆN TỬ CƠ QUAN, TỔ CHỨC

# 1. Mã định danh cơ quan, đơn vị tham gia trao đổi văn bản điện tử

Ngày 01/4/2016, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Thông tư số 10/2016/TT-BTTTT về việc Ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc mã định danh và định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối các hệ thống quản lý văn bản và điều hành” (gọi tắt là QCVN 102:2016/BTTTT). Một số nội dung cơ quan của QCVN 102:2016/BTTTT quy định về cấu trúc mã định danh điện tử cơ quan, đơn vị tham gia trao đổi văn bản điện tử như sau:

- Mỗi cơ quan, đơn vị tham gia trao đổi văn bản điện tử sẽ được cấp một mã định danh ở dạng V1V2V3.Z1Z2.Y1Y2.MX1X2. Mã định danh có 13 ký tự (bao gồm cả dấu chấm), chia thành bốn nhóm, các nhóm phân tách bởi dấu chấm;

- Nhóm thứ nhất (MX1X2). MX1X2 xác định đơn vị cấp 1 (gọi là Mã cấp 1). M là các chữ cái từ A đến Z (dạng viết hoa trong bảng chữ cái tiếng Anh);

- Nhóm thứ hai (Y1Y2). Y1Y2 xác định đơn vị cấp 2 (gọi là Mã cấp 2). Y1, Y2 nhận giá trị là một trong các chữ số (từ 0 đến 9);

- Nhóm thứ ba (Z1Z2). Z1Z2 xác định đơn vị cấp 3 (gọi là Mã cấp 3). Z1, Z2 nhận giá trị là một trong các chữ số (từ 0 đến 9) hoặc một trong các chữ cái (từ A đến Z, dạng viết hoa trong bảng chữ cái tiếng Anh);

- Nhóm thứ tư (V1V2V3). V1V2V3 xác định đơn vị cấp 4 (gọi là Mã cấp 4). V1, V2, V3 nhận giá trị là một trong các chữ số (từ 0 đến 9).

Các nhóm cơ quan/cơ quan cấp 1 được quy định trong QCVN 102:2016/BTTTT như sau:

- Chữ cái A dành cho Nhóm các cơ quan Đảng;

- Chữ cái B dành cho Nhóm các cơ quan Chủ tịch Nước;

- Chữ cái C dành cho Nhóm các cơ quan Quốc hội;

- Chữ cái D dành cho Nhóm các cơ quan Tòa án;

- Chữ cái E dành cho Nhóm các cơ quan Viện kiểm sát;

- Chữ cái F dành cho Nhóm các cơ quan Kiểm toán Nhà nước;

- Chữ cái G dành cho Nhóm các cơ quan Chính phủ;

- Chữ cái H dành cho Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung

ương;

- Chữ cái K dành cho Hội đồng Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung

ương;

- Chữ cái I dành cho Nhóm các tổ chức chính trị - xã hội;

- Chữ cái J dành cho Nhóm các tổ chức xã hội, các tổ chức xã hội - nghề

nghiệp;

- Các chữ cái còn lại dùng để dự trữ.

Ưu điểm:

- Các nhóm cơ quan/cơ quan cấp 1 theo QCVN 102:2016/BTTTT đã bao phủ đa số các loại hình cơ quan, tổ chức theo Luật Tố tụng hành chính (quy định cơ quan, tổ chức bao gồm: cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân và các tổ chức khác được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật).

- Việc phân chia thành các nhóm mã, theo 4 cấp và chỉ quy định mã của cơ quan cấp 1. Các cơ quan cấp 2, 3, 4 do các cơ quan cấp 1 cấp mã, do đó, việc cấp mã cho các cơ quan được thực hiện kịp thời, các thay đổi về việc tách, nhập cơ quan được cập nhật kịp thời, tránh được việc trùng lặp trong cấp mã.

Hạn chế:

Còn một số loại hình cơ quan, tổ chức chưa được bao phủ như doanh nghiệp, các loại hình tổ chức kinh tế, xã hội khác.

# 2. Mã định danh của cơ quan, tổ chức theo Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg

Ngày 12/7/2018, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước, trong đó, tại Điểm a, Khoản 2, Điều 10 quy định Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của các bộ, ngành, địa phương phải thể hiện thông tin về Mã định danh của cơ quan, tổ chức. Cụ thể Mã định danh của cơ quan, tổ chức được quy định như sau:

- Mỗi bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, đơn vị trực thuộc có một mã định danh khi tham gia gửi, nhận văn bản điện tử trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành;

- Cấu trúc mã định danh cơ quan, tổ chức có 13 ký tự, chia thành bốn nhóm mã, các nhóm mã phân tách bởi dấu chấm:

+ Mã cấp 1: mã của đơn vị cấp 1 (bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương,...);

+ Mã cấp 2, cấp 3, cấp 4: mã của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc đơn vị cấp 1, đơn vị cấp 2, đơn vị cấp 3 tương ứng.

Ưu điểm:

- Cấu trúc tương đồng với cấu trúc mã định danh cơ quan, đơn vị tham gia trao đổi văn bản điện tử nên có thể sử dụng chung.

Hạn chế:

Còn một số loại hình cơ quan, tổ chức chưa được bao phủ như doanh nghiệp, các loại hình tổ chức kinh tế, xã hội khác.

# 3. Mã đơn vị trong mã số hồ sơ thủ tục hành chính

Ngày 23/11/2018, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ ban hành Thông tư số 01/2018/TT-VPCP hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Tại Khoản 1, Điều 19 quy định:

- Mã số hồ sơ gồm các ký tự chữ và số, có cấu trúc như sau: V1V2V3.Z1Z2.Y1Y2.MX1X2-YYMMDD-XXXX. Trong đó:

+ V1V2V3.Z1Z2.Y1Y2.MX1X2 là mã đơn vị theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc mã định danh và định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối các hệ thống quản lý văn bản và điều hành quy định tại Thông tư số 10/2016/TT-BTTTT ngày 01 tháng 4 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông;

+ YYMMDD là ngày tiếp nhận hồ sơ, bao gồm 06 ký tự số; trong đó: YY là 02 chữ số cuối của năm, MM là 02 chữ số của tháng, DD là 02 chữ số của ngày;

+ XXXX là số thứ tự hồ sơ tiếp nhận trong ngày, gồm 04 ký tự số.

Ưu điểm:

- Các cơ quan, đơn vị có chức năng giải quyết thủ tục hành chính (các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ, UBND các cấp) đều đã được quy định trong QCVN 102:2016/BTTTT nên mã định danh cơ quan, đơn vị đáp ứng được nhu cầu sử dụng.

Hạn chế:

Còn một số loại hình cơ quan, tổ chức chưa được bao phủ như doanh nghiệp, các loại hình tổ chức kinh tế, xã hội khác.

# 4. Mã số doanh nghiệp và mã số thuế

a) Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 đã có quy định về mã số thuế: “Mã số thuế là một dãy số, chữ cái hoặc ký tự khác do cơ quan quản lý thuế cấp cho người nộp thuế dùng để quản lý thuế”.

Thông tư số 85/2007/TT-BTC ngày 18/7/2007 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thi hành Luật quản lý thuế về việc đăng ký thuế, theo Điều 3, quy định cụ thể về cấu trúc của Mã số thuế như sau:

- Mã số thuế được cấu trúc là một dãy số được chia thành các nhóm như sau:

N1N2 N3N4N5N6N7N8N9 N10 N11N12N13

- Trong đó:

+ Hai chữ số đầu N1N2 là số phân khoảng tỉnh cấp mã số thuế được quy định theo danh mục mã phân khoảng tỉnh;

+ Bảy chữ số N3N4N5N6N7N8N9 được đánh theo số thứ tự từ 0000001 đến 9999999. Chữ số N10 là chữ số kiểm tra;

+ Mười số từ N1 đến N10 được cấp cho người nộp thuế độc lập và đơn vị chính;

+ Ba chữ số N11N12N13 là các số thứ tự từ 001 đến 999 được đánh theo từng đơn vị trực thuộc, chi nhánh của người nộp thuế độc lập và đơn vị chính.

Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp, Khoản 1, Điều 8 quy định: “Mỗi doanh nghiệp được cấp một mã số duy nhất gọi là mã số doanh nghiệp. Mã số này đồng thời là mã số đăng ký kinh doanh và mã số thuế của doanh nghiệp”.

Như vậy, từ trước khi có quy định cụ thể về mã số doanh nghiệp, mã số thuế của doanh nghiệp đã tồn tại và có quy định về cấu trúc.

b) Theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Điều 30, mã số doanh nghiệp là dãy số được tạo bởi Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, được cấp cho doanh nghiệp khi thành lập và được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp có một mã số duy nhất và không được sử dụng lại để cấp cho doanh nghiệp khác.

Trình tự thực hiện cấp mã số doanh nghiệp tự động được thực hiện theo Điều 2 Thông tư số 127/2015/TT-BTC ngày 21/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc cấp mã số doanh nghiệp thành lập mới và phân công cơ quan thuế quản lý đối với doanh nghiệp.

Chi tiết mã số doanh nghiệp được quy định tại Điều 8 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp và Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế. Tóm tắt một số nội dung như sau:

- Mỗi doanh nghiệp được cấp một mã số duy nhất gọi là mã số doanh nghiệp. Mã số này đồng thời là mã số thuế của doanh nghiệp;

- Mã số thuế được cấu trúc như sau: N1N2 N3N4N5N6N7N8N9 N10 - N11N12N13. Trong đó:

+ Hai chữ số đầu N1N2 là số phân Khoảng tỉnh cấp mã số thuế được quy định theo danh Mục mã phân Khoảng tỉnh (đối với mã số thuế cấp cho người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, nhóm cá nhân và cá nhân kinh doanh) hoặc số không phân Khoảng tỉnh cấp mã số thuế (đối với mã số thuế cấp cho các cá nhân khác);

+ Bảy chữ số N3N4N5N6N7N8N9 được quy định theo một cấu trúc xác định, tăng dần trong Khoảng từ 0000001 đến 9999999. Chữ số N10 là chữ số kiểm tra;

+ Ba chữ số N11N12N13 là các số thứ tự từ 001 đến 999.

+ Dấu gạch ngang là ký tự để phân tách nhóm 10 số đầu và nhóm 3 số cuối.

Mã số thuế này vẫn giữ nguyên cấu trúc so với quy định từ năm 2007 (Thông tư số 85/2007/TT-BTC).

Ưu điểm:

- Mặc dù đến năm 2014 mã số doanh nghiệp mới được Luật hóa nhưng trước đó, Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng đã có những quy định về việc sử dụng thống nhất mã số thuế là mã số doanh nghiệp. Các quy định về cấu trúc của mã số doanh nghiệp và mã số thuế đầy đủ, dó đó, bảo đảm tính ổn định và sử dụng lâu dài.

- Mã số thuế và mã số doanh nghiệp được cấp ngay khi một doanh nghiệp được thành lập theo Luật doanh nghiệp, được quy định thống nhất bởi Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư do đó bảo đảm sự đầy đủ, không bị trùng lặp và khả năng quản lý tập trung.

Hạn chế:

- Mã này chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp được thành lập theo Luật doanh nghiệp, tuy nhiên, còn rất nhiều các tổ chức tài chính khác.

# 5. Mã số cho các đơn vị có quan hệ với ngân sách nhà nước

Mã số cho các đơn vị có quan hệ với ngân sách nhà nước được quy định theo Thông tư số 185/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc cấp mã số cho các đơn vị có quan hệ với ngân sách nhà nước, theo đó, chỉ có các đơn vị có quan hệ với ngân sách bao gồm: đơn vị dự toán các cấp, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước, các đơn vị khác có quan hệ với ngân sách; dự án đầu tư thuộc cấp ngân sách Trung ương và các cấp ngân sách tỉnh, huyện, xã mới được cấp mã. Cụ thể:

- Phần định danh của mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách nhà nước gồm 7 ký tự được bố trí như sau: N X1X2X3X4X5X6. Trong đó:

+ N là ký tự phân biệt mã số, quy định: N = 1, 2 dùng để cấp cho đơn vị dự toán các cấp, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước; N = 3 dùng để cấp cho đơn vị khác có quan hệ với ngân sách; N = 7, 8 dùng để cấp cho các dự án đầu tư;

+ X1X2X3X4X5X6 là số thứ tự của các đơn vị có quan hệ với ngân sách.

Ưu điểm:

- Tương tự như mã doanh nghiệp, mã số cho các đơn vị có quan hệ với ngân sách nhà nước được Bộ Tài chính quản lý tập trung.

Hạn chế:

- Chỉ đơn vị có quan hệ với ngân sách mới được cấp mã số;

- Khó phân nhóm, phân loại các đơn vị.

Ngoài ra, còn rất nhiều các loại mã định danh điện tử cơ quan, tổ chức khác được các bộ, ngành quy định. Vấn đề đặt ra là làm thế nào xây dựng được quy định về mã định danh điện tử của cơ quan, tổ chức bao phủ được tất cả các loại hình cơ quan, tổ chức, và đảm bảo khả thi trong việc đánh mã định danh điện tử, quản lý mã định danh điện tử và kế thừa được những quy định hiện tại

# 6. Mã số Hợp tác xã

Mã số hợp tác xã được quy định tại Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.

Chi tiết mã số hợp tác xã được quy định tại Điều 10, cụ thể:

- Mỗi hợp tác xã được cấp một mã số duy nhất gồm 10 chữ số, gọi là mã số hợp tác xã. Mã số này đồng thời là mã số thuế của hợp tác xã;

- Mã số hợp tác xã tồn tại trong suốt quá trình hoạt động của hợp tác xã và không được cấp lại cho tổ chức, cá nhân khác. Khi hợp tác xã chấm dứt hoạt động thì mã số hợp tác xã chấm dứt hiệu lực;

- Mã số đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã được cấp cho chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã. Mã số đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã là mã số thuế gồm 13 chữ số, bao gồm mã số hợp tác xã và 03 chữ số được cấp theo số thứ tự từ 001-999.

Ưu điểm:

- Mã số này đảm bảo tính duy nhất, không bị trùng lặp do được cấp theo thứ tự và chỉ sử dụng cho một chủ thể hợp tác xã.

Hạn chế:

- Tương tự mã số doanh nghiệp, mã số này chỉ dành cho tổ chức là hợp tác xã.

# 7. Mã số hộ kinh doanh

Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp quy định về mã số hộ kinh doanh có cấu trúc như sau:

- Mã cấp tỉnh: 02 ký tự, theo Phụ lục VII-2 ban hành kèm theo Thông tư;

- Mã cấp huyện: 01 ký tự, theo Phụ lục VII-2 ban hành kèm theo Thông tư;

- Mã loại hình: 01 ký tự, 8 = hộ kinh doanh;

- Số thứ tự hộ kinh doanh: 06 ký tự, từ 000001 đến 999999.

Ưu điểm:

- Bảo đảm tính chính xác, không bị trùng lặp khi cấp mã;

- Sử dụng thống nhất cho hộ kinh doanh.

Hạn chế:

- Tương tự mã số doanh nghiệp, mã số này chỉ dành cho tổ chức là hộ kinh doanh.

# II. ĐÁNH GIÁ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ

Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 6523 về Công nghệ thông tin là tiêu chuẩn quy định cấu trúc định danh cho tổ chức và các bộ phận của tổ chức (tương đương với TCVN 7820). Tiêu chuẩn này gồm có 2 phần: Phần 1 - Định danh các lược đồ định danh của tổ chức và Phần 2 - Đăng ký các lược đồ định danh của tổ chức. Nội dung cơ bản của tiêu chuẩn như sau:

- Các thành phần của cấu trúc mã định danh điện tử tổ chức gồm có:

 + một mã ký hiệu mã quốc tế (ICD), là mã duy nhất xác định đơn vị phát hành mã định danh trong tổ chức, tối đa 4 ký tự số;

 + một mã định danh tổ chức, tối đa 35 ký tự;

 + (tùy chọn) một mã định danh bộ phận tổ chức, tối đa 35 ký tự;

 + (tùy chọn) chỉ dẫn nguồn, 1 ký tự số, xác định đơn vị cấp mã định danh bộ phận tổ chức.

- Việc đăng ký mã ICD và lược đồ định danh của tổ chức: Quy trình, thủ tục và biểu mẫu đăng ký mã ICD với cơ quan có thẩm quyền do tổ chức ISO chỉ định.

Theo ISO/IEC 6523, mã ICD sẽ do một tổ chức có trách nhiệm quản lý, những tổ chức có nhu cầu liên thông, kết nối hệ thống sẽ xây dựng các lược đồ định danh mã định danh của mình, và đăng ký với tổ chức phát hành mã ICD để được cấp mã ICD duy nhất. Cấu trúc mã định danh đơn vị tại tổ chức sẽ do tổ chức đó tự đề xuất và đăng ký, chỉ cần tuân thủ độ dài tối đa của mã (35 ký tự) theo quy định.

Ưu điểm:

- Với cách quy định như ISO/IEC 6523, cần có một cơ quan quản lý mã tương tự như mã ICD, các cấu trúc mã định danh điện tử của cơ quan, tổ chức đã có quy định hoàn toàn có thể sử dụng kết hợp với mã ICD để tạo thành 1 cấu trúc mã định danh điện tử không bị trùng lặp cho bất kỳ loại hình cơ quan nào. Do đó, nó kế thừa được những mã định danh điện tử đã cấp cho các cơ quan, tổ chức như mã định danh cơ quan, đơn vị tham gia gửi nhận văn bản điện tử, mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách, mã số doanh nghiệp, mã bưu cục của các doanh nghiệp bưu chính hay bất kỳ mã định danh điện tử cơ quan, tổ chức nào khác.

Hạn chế:

- Mặc dù cho phép sử dụng mã định danh điện tử cơ quan, tổ chức có sẵn để làm mã định danh điện tử của cơ quan, tổ chức tham gia kết nối, chia sẻ dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương nhưng cũng cần phải nghiên cứu thật kỹ đề phù hợp với hiện trạng của Việt Nam chứ không thể cứ áp dụng theo tiêu chuẩn quốc tế.

# III. KẾT LUẬN

Các loại hình cơ quan, tổ chức là rất đa dạng. Để thực hiện được nhiệm vụ được giao theo Nghị quyết số 17/NQ-CP là nghiên cứu, xây dựng bộ mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức thống nhất theo tiêu chuẩn quốc tế phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu của tất cả các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, cần áp dụng một cách linh hoạt ISO/IEC 6523 để phù hợp với thực tế về mã định danh điện tử cơ quan, tổ chức tại Việt Nam. Việc áp dụng ISO/IEC 6523 phải:

- Quy định mã định danh điện tử cơ quan, tổ chức thống nhất, đảm bảo bao phủ được các loại hình cơ quan, tổ chức;

- Không lãng phí tài nguyên mã, kế thừa những mã định danh điện tử cơ quan, tổ chức đã có quy định và được sử dụng rộng rãi.

- Đảm bảo khả thi việc cấp mã số định danh cho tất cả các cơ quan, tổ chức; quản lý để chia sẻ, kết nối, sử dụng; hình thành cơ sở dữ liệu về mã định danh điện tử của cơ quan, tổ chức.

**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**